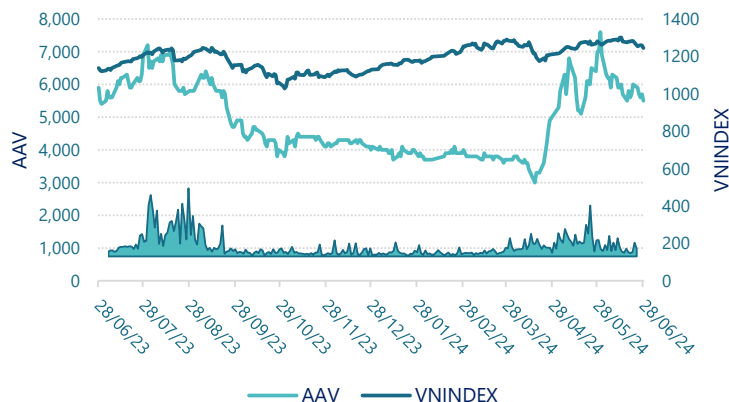


CTCP AAV Group (HNX: AAV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
SL cổ phiếu LH	68,987,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,033,185
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	379
P/E	-32.3
EPS	-170

DT thuần

Q2/24

1.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.47 | 39.4%

YoY: ▲ 1.22 | 272%

LN sau thuế

Q2/24

0.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.56 | 106%

YoY: ▲ 5.10 | 104%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

11.6%

+/- YoY: ▲ 537%

DT thuần

6T 2024

2.87

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 65.8 | -95.8%

LN sau thuế

6T 2024

-3.13

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.11 | 62.0%

ROE

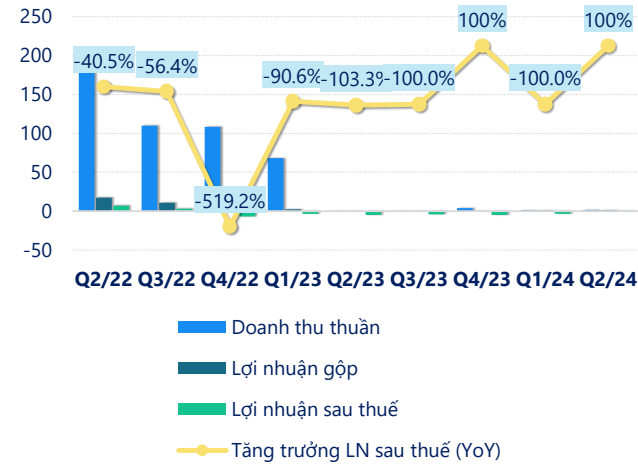
Q2/24

-1.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

tỷ VNĐ

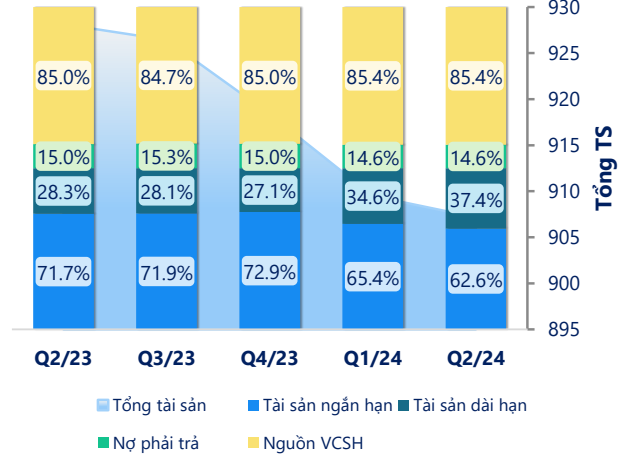
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

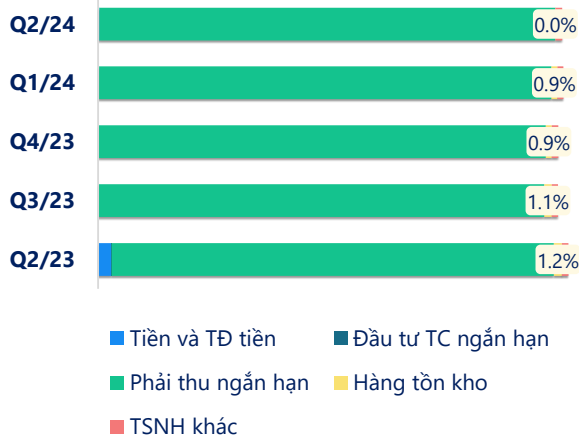
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



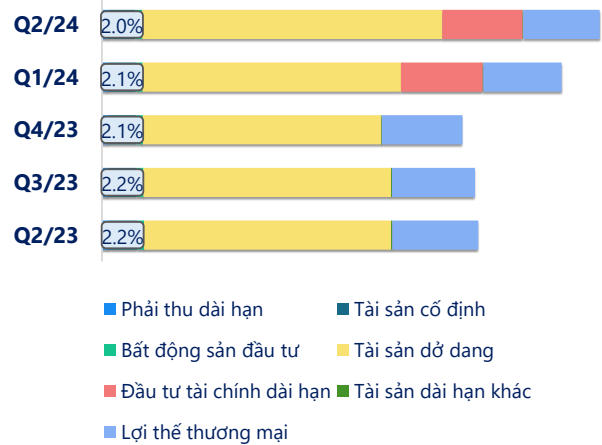
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

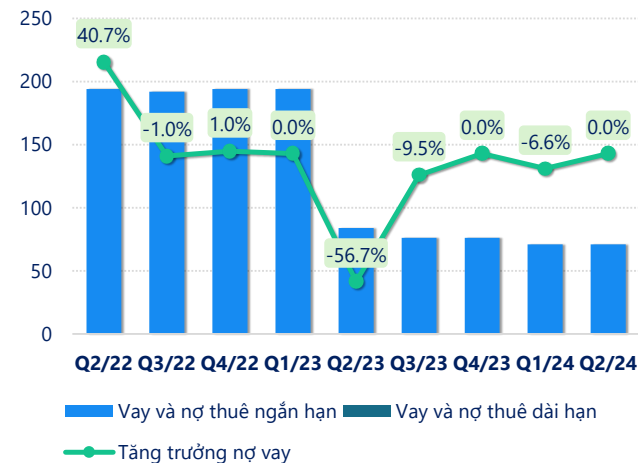
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

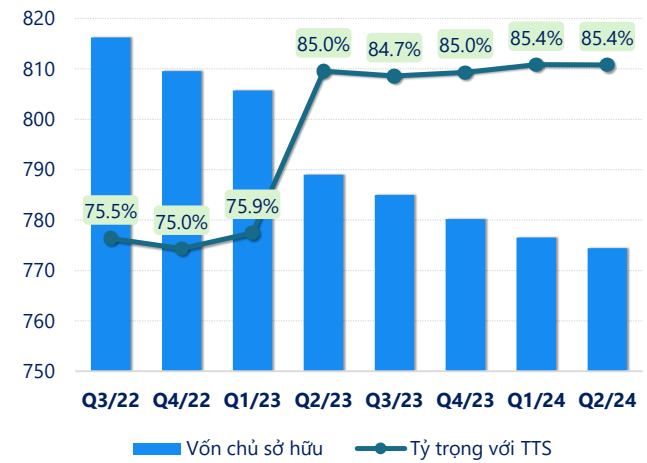
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

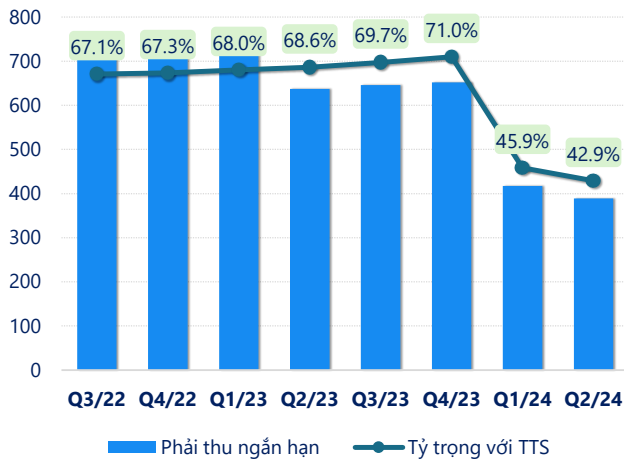
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



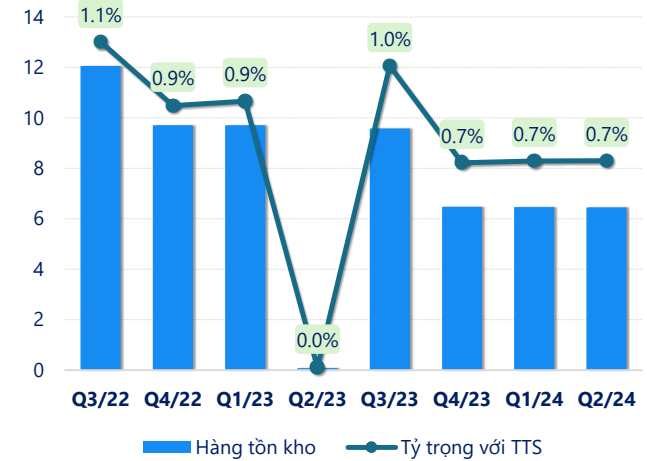
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


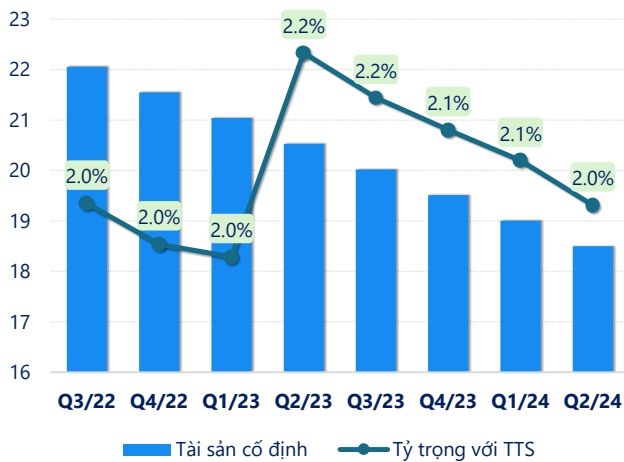
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


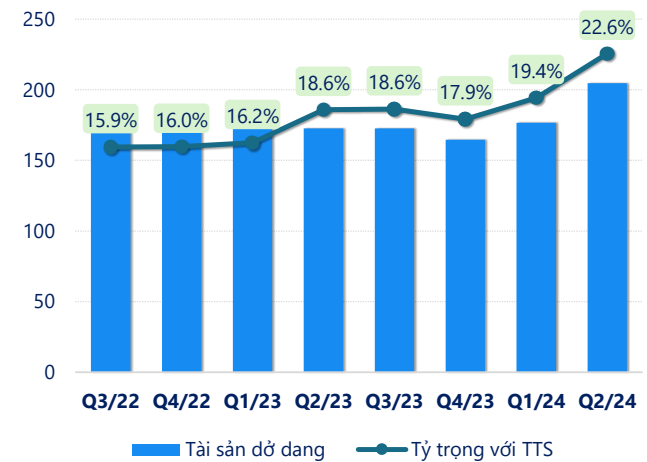
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

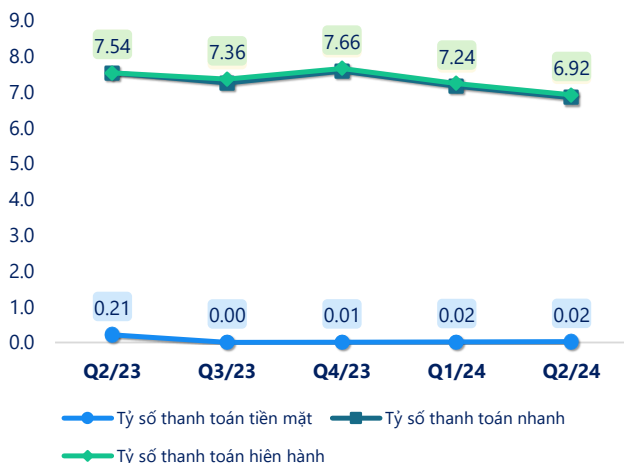
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

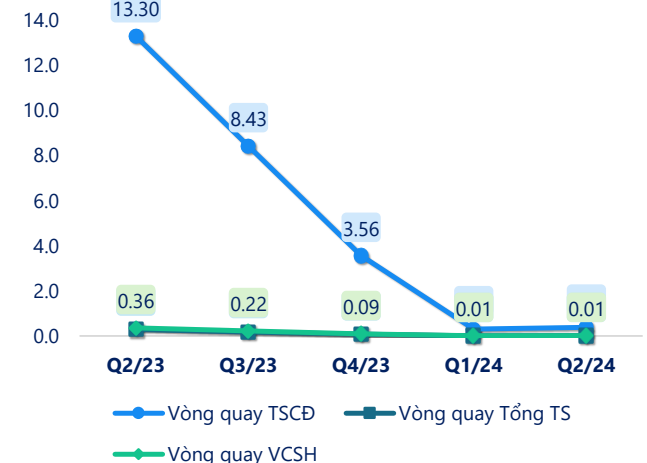
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	928	926	918	909	907
Tài sản ngắn hạn	665	666	669	595	567
Tiền và tương đương tiền	18.9	0.33	0.44	1.38	1.72
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	160	160
Phải thu ngắn hạn	637	646	652	417	389
Hàng tồn kho	0.08	9.58	6.48	6.47	6.46
Tài sản ngắn hạn khác	9.68	10.6	10.2	9.90	10.1
Tài sản dài hạn	263	260	249	315	340
Phải thu dài hạn	4.18	4.23	4.23	4.23	4.39
Tài sản cố định	20.5	20.0	19.5	19.0	18.5
Bất động sản đầu tư	4.72	4.69	4.65	4.62	4.58
Tài sản dở dang	173	173	165	177	205
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	56.0	55.0
Tài sản dài hạn khác	0.80	0.68	0.55	0.42	0.30
Lợi thế thương mại	59.9	57.8	55.7	53.6	52.3
Nợ phải trả	139	141	138	133	133
Nợ ngắn hạn	88.3	90.6	87.4	82.2	82.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.1	76.1	76.1	71.0	71.0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.24	11.5	8.34	8.48	8.33
Nợ dài hạn	50.9	50.8	50.8	50.8	50.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	789	785	780	777	774
Vốn chủ sở hữu	789	785	780	777	774
Vốn điều lệ	690	690	690	690	690
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)